

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ THỌ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 71/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách
cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

*Xét Tờ trình số 10558/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân
dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu,
nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và
ngân sách cấp xã giai đoạn từ năm 2026 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.*

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn
thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách
cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.**

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trường hợp cấp có thẩm quyền ban hành các quy định mới hoặc điều
chỉnh, bổ sung về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh có sự
khác nhau so với quy định về phân cấp tại Nghị quyết này thì thực hiện phân
cấp theo quy định mới hoặc điều chỉnh, bổ sung theo phân cấp quản lý kinh tế
- xã hội của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này
theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân,
các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có
trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Phú Thọ Khóa XIX, Kỳ họp Thường lệ thứ Hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia
nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách
cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm
2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi thuộc ngân sách nhà nước; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành, cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã; đơn vị sự nghiệp công lập, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và cấp xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi; tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

1. Phải đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

2. Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, giải pháp quan trọng về tài chính, ngân sách nhà nước theo chủ trương của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ nhất nhiệm kỳ 2025-2030.

3. Đảm bảo việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phân cấp tổ chức bộ máy, trình độ quản lý của các cấp và yêu cầu kiện toàn, sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã theo các văn bản quy định của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương.

Trong đó xác định vai trò chủ đạo của ngân sách cấp tỉnh trong việc thực hiện các nhiệm vụ quan trọng phát triển kinh tế - xã hội chung, đồng thời điều hòa, điều tiết nguồn lực giữa các địa phương, tạo điều kiện, cơ hội cho các địa phương cùng phát triển. Tiếp tục tăng cường phân cấp tối đa cho cấp xã, giảm dần số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên; đảm bảo phù hợp các quy định pháp luật mới ban hành trong giai đoạn vừa qua và định hướng các năm tiếp theo.

4. Đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ở mỗi cấp ngân sách tỉnh Phú Thọ sau sắp xếp, quy định phân cấp, tỷ lệ điều tiết để đảm bảo tính chủ động của ngân sách cấp xã và giảm nguy cơ rủi ro, mất cân đối nguồn thu ngân sách nhà

nước để đảm bảo chi thường xuyên ở cấp này do các yếu tố biến động của tình hình kinh tế - xã hội.

5. Đảm bảo thuận lợi trong công tác xây dựng dự toán, tổ chức thực hiện, kiểm tra đánh giá; hạn chế phân chia một khoản thu cho nhiều cấp ngân sách hoặc một khoản thu nhưng có nhiều tỷ lệ phân chia khác nhau.

CHƯƠNG II

PHÂN CẤP NGUỒN THU

Điều 4. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý, khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Thuế thu nhập cá nhân do Thuế tỉnh quản lý thu.

3. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

4. Thu phí và lệ phí do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện (*không kể lệ phí trước bạ*). Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Thuế bảo vệ môi trường (*đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định*).

6. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Trung ương cấp giấy phép (*đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định*).

7. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh.

8. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

9. Thu từ quỹ dự trữ tài chính.

10. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách cấp tỉnh.

11. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách cấp tỉnh năm trước sang ngân sách cấp tỉnh năm sau.

12. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền cấp tỉnh.

13. Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện.

14. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh xử lý (*sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật*).

15. Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

16. Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật

về quản lý, sử dụng tài sản công (*không bao gồm tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước*).

17. Thu chậm nộp ngân sách thuộc cấp tỉnh quản lý.
18. Thu do ngân sách cấp xã nộp lên.
19. Thu tiền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu.
20. Các khoản thu khác của ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật (*bao gồm thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa*).

Điều 5. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ.
2. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.
3. Thuế thu nhập cá nhân do thuế cơ sở quản lý thu.
4. Thu phí, lệ phí do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước do cấp xã thực hiện (*không bao gồm lệ phí trước bạ*).
5. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.
6. Thu từ bán tài sản nhà nước, do các tổ chức, cơ quan thuộc cấp xã quản lý.
7. Thu tiền cho thuê, bán và thanh lý nhà thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý.
8. Thu tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất do cấp xã quản lý.
9. Thuế sử dụng đất nông nghiệp.
10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, tổ chức khác, cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền cấp xã.
11. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân do cấp xã quản lý.
12. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp xã.
13. Thu kết dư ngân sách cấp xã.
14. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.
15. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau của ngân sách cấp xã.
16. Thu chậm nộp ngân sách thuộc cấp xã quản lý.
17. Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu theo quy định của pháp luật do cấp xã thực hiện.
18. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của các cá nhân, hộ gia đình trả tiền hàng năm (*đối với phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định*).
19. Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật (*không bao gồm thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa*).

Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

1. Thu tiền sử dụng đất do cấp xã quản lý và tổ chức thu.
2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế ngoài quốc doanh.
3. Lệ phí trước bạ.

4. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân các cấp cấp giấy phép.

5. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước của các tổ chức trả tiền hằng năm; trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

CHƯƠNG III PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật; trong đó bao gồm chi trả nợ các khoản vay theo cam kết, thu hồi tạm ứng, ứng trước dự toán của ngân sách tỉnh.

b) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương.

c) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật: Chi đầu tư phát triển các lĩnh vực sự nghiệp cấp tỉnh quản lý để thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, các chương trình đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Chi hỗ trợ thực hiện dự án quy định tại điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, gồm: các hoạt động sự nghiệp giáo dục của các đơn vị do tỉnh quản lý; giáo dục đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề nghiệp, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác thuộc tỉnh quản lý; chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo do cấp tỉnh quản lý; chi thực hiện các hoạt động sự nghiệp chung của ngành và các hoạt động giáo dục và đào tạo khác thuộc tỉnh quản lý.

b) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp tỉnh quản lý; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội: các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội phân giao cho cấp tỉnh quản lý; chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực Quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội do cấp tỉnh quản lý.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Các nhiệm vụ chi phòng, chống dịch bệnh, khám chữa bệnh và các hoạt động dân số và gia đình do cấp tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện và các hoạt động y tế khác.

Chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực y tế, dân số và

gia đình do cấp tỉnh quản lý.

đ) Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Các nhiệm vụ bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim và các hoạt động văn hóa khác do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện; chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực văn hóa, thông tin do cấp tỉnh quản lý.

e) Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: Các nhiệm vụ phát thanh, truyền hình do tỉnh quản lý, tổ chức thực hiện và các hoạt động có liên quan khác.

g) Chi sự nghiệp thể dục thể thao: Chi đảm bảo hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh quản lý; bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh, tham gia các giải thi đấu do Trung ương tổ chức; chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao do cấp tỉnh quản lý; các hoạt động thể dục thể thao khác.

h) Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm: Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh; hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh.

Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm *(không bao gồm dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15)*.

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường.

Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của cấp tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu.

Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường *(đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường)*.

Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

i) Các hoạt động kinh tế cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

Sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn: Nông nghiệp; lâm nghiệp; ngư nghiệp, thủy sản, thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, kè, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do các đơn vị tỉnh quản lý; công tác khuyến

lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị tính quản lý; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định do cấp tỉnh quản lý.

Sự nghiệp giao thông: Vận tải, an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng bảo trì hạ tầng giao thông đô thị và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh quản lý; chi hỗ trợ giao thông nông thôn cho cấp xã.

Sự nghiệp tài nguyên: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh hoạt, lưu trữ hồ sơ địa chính; nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải, rác thải khác phát sinh trên địa bàn thành phố Việt Trì (cũ), thành phố Hòa Bình (cũ) và thị xã Phú Thọ (cũ); một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên do cấp tỉnh quản lý (*bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp Đề án đo đạc, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính và kinh phí tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (không bao gồm dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng)*).

Sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, công viên, cắt tỉa cây xanh, thảm hoa, thảm cỏ, quản lý nghĩa trang thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý, và các sự nghiệp thị chính, kinh tế khác.

Các hoạt động thuộc lĩnh vực công thương: Cơ khí; luyện kim; điện, phát triển thị trường điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; dầu khí; hoá chất, ứng phó sự cố và an toàn hóa chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (*trừ vật liệu xây dựng thông thường và sản xuất xi măng*); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; sản xuất sạch hơn trong công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; quản lý thị trường; dịch vụ logistics; xúc tiến thương mại, chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại, hỗ trợ tiêu thụ nông sản; thương mại điện tử và kinh tế số; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; cụm công nghiệp trên địa bàn và các hoạt động khác theo chức năng và quyền hạn được cấp có thẩm quyền giao.

Hoạt động quy hoạch do cấp tỉnh thực hiện.

Chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực kinh tế do cấp tỉnh quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan Đảng, quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã

hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do cấp tỉnh quản lý theo quy định.

Chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực này do cấp tỉnh quản lý.

Chi các hoạt động nghiệp vụ khác của quản lý hành chính cấp tỉnh.

l) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội:

Chi các nhiệm vụ đảm bảo xã hội do cấp tỉnh thực hiện và chi hoạt động của các trung tâm, cơ sở trực thuộc cấp tỉnh quản lý.

Chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội do cấp tỉnh quản lý.

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

n) Chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên đối với các lĩnh vực do cấp tỉnh quản lý (*trừ các dự án, nhiệm vụ đã chi từ nguồn vốn Đầu tư công*).

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

4. Chi trả nợ gốc, lãi, phí các khoản do tỉnh vay.

5. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

6. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước sang năm sau.

7. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương.

8. Chi hỗ trợ thực hiện dự án quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

9. Chi nộp trả ngân sách trung ương.

10. Chi viện trợ.

11. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

b) Một số nhiệm vụ chi đầu tư khác theo quy định của pháp luật: Chi đầu tư phát triển các lĩnh vực sự nghiệp cấp xã quản lý để thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, các chương trình đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm d khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục, đào tạo, gồm: Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo do cấp xã quản lý, bao gồm: Khối các trường mầm non; khối các trường

tiểu học; khối các trường trung học cơ sở; trung tâm bồi dưỡng chính trị. Chỉ các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo do cấp xã quản lý.

b) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, gồm: Ứng dụng khoa học và công nghệ; các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội phân giao cho cấp xã quản lý; chỉ các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp xã quản lý.

d) Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Đảm bảo hoạt động các nhiệm vụ y tế, dân số và gia đình thuộc cấp xã quản lý theo quy định; chỉ các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực y tế, dân số và gia đình do cấp xã quản lý.

đ) Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin; thể dục, thể thao; phát thanh: Các nhiệm vụ, hoạt động văn hoá, thông tin; thể dục, thể thao; phát thanh do cấp xã quản lý; chỉ các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực này do cấp xã quản lý.

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường:

Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm: Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn cấp xã; hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn cấp xã.

Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm (*không bao gồm dự án đầu tư theo Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15*) tại các điểm, khu vực ô nhiễm trên địa bàn nông thôn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.

Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường trên địa bàn thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trên địa bàn thuộc thẩm quyền.

Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường: Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (*đối ứng các dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường*).

Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của pháp luật, bao gồm: Xây dựng, điều chỉnh, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu của địa phương; tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường; quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (*bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu*); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

g) Chi các hoạt động kinh tế do cấp xã quản lý:

Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định do cấp xã quản lý.

Hoạt động quy hoạch do cấp xã thực hiện.

Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác do cấp xã quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý.

Sự nghiệp tài nguyên: hoạt động điều tra, quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, lưu trữ hồ sơ địa chính; nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải, rác thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã và một số nhiệm vụ chi khác về tài nguyên do cấp xã quản lý theo phân cấp quản lý (*bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp Đề án đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính từ nguồn thu tiền sử dụng đất cấp xã hưởng*).

Chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực kinh tế do cấp xã quản lý.

Sự nghiệp kiến thiết thị chính và kinh tế khác: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng; Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống cấp nước sạch; các công trình ngầm hạ tầng kỹ thuật đô thị; vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh thuộc phạm vi cấp xã quản lý và các hoạt động thị chính và kinh tế khác theo quy định.

h) Hoạt động của các cơ quan Đảng, quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do cấp xã quản lý theo quy định.

Chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực này do cấp xã quản lý.

Các nhiệm vụ chi quản lý hành chính khác.

i) Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: chi các nhiệm vụ đảm bảo xã hội do cấp xã quản lý và thực hiện; chi các chính sách chế độ cho các đối tượng thuộc lĩnh vực bảo đảm xã hội do cấp xã quản lý; Các hoạt động đảm bảo xã hội khác.

k) Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

l) Chi mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên đối với các lĩnh vực do cấp xã quản lý (*trừ các dự án, nhiệm vụ đã chi từ nguồn vốn Đầu tư công*).

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau.

4. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, dự án, nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

5. Chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

6. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

7. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH

Điều 9. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

(Có Biểu chi tiết đính kèm).

**PHỤ LỤC TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 71/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh Phú Thọ)

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
1	Thu Doanh nghiệp nhà nước Trung ương quản lý		100%	
-	Thuế giá trị gia tăng			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thuế tài nguyên			
2	Thu Doanh nghiệp nhà nước Địa phương quản lý		100%	
-	Thuế giá trị gia tăng			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thuế tài nguyên			
3	Thu Doanh nghiệp Đầu tư nước ngoài		100%	
-	Thuế giá trị gia tăng			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thuế tài nguyên			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
a	Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		80%	20%
-	Thuế giá trị gia tăng			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thuế tài nguyên			
b	Cá nhân, hộ kinh doanh thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			100%
-	Thuế giá trị gia tăng			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
-	Thuế tài nguyên			
5	Lệ phí trước bạ			
-	Đối với tài sản là ô tô, tàu thuyền, xe máy... (trừ nhà đất)		50%	50%
-	Đối với tài sản là nhà đất			100%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%
7	Thuế thu nhập cá nhân			
-	Thuế tính quản lý thu		100%	
-	Thuế cơ sở quản lý thu			100%
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, bao gồm hoạt động xổ số điện toán		100%	
9	Thu tiền sử dụng đất			
a	Cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu	15%	85%	
b	Cấp xã quản lý và tổ chức thu			
-	Phát sinh trên địa bàn các phường	15%	20%	65%
-	Phát sinh trên địa bàn các xã	15%	5%	80%
10	Thu phí và lệ phí			
-	Phí và lệ phí Trung ương	100%		
-	Phí và lệ phí tỉnh (không bao gồm lệ phí trước bạ)		100%	
-	Phí và lệ phí cấp xã (không bao gồm lệ phí trước bạ)			100%
11	Thuế bảo vệ môi trường (phần ngân sách địa phương được hưởng)		100%	

STT	Nội dung	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách		
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS cấp xã
12	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích... tại cấp xã			100%
13	Thu khác ngân sách theo quy định: cấp nào thực hiện, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%
	Trong đó bao gồm Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa			100%
14	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật: cơ quan nhà nước cấp nào thực hiện, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%
15	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật): cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào xử lý, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%
16	Thu từ bán tài sản nhà nước (không bao gồm tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước): cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào quản lý, ngân sách cấp đó hưởng 100%	100%	100%	100%
17	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
-	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý		100%	
-	Do cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý			100%
18	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (bao gồm cả tài nguyên nước)			
-	Do Trung ương cấp Giấy phép	70%	30%	
-	Do Ủy ban nhân dân các cấp cấp Giấy phép		50%	50%
19	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100%
20	Thu tiền thuê đất, mặt nước			
a	Thu tiền thuê mặt đất			
-	Thu từ các tổ chức	15%	70%	15%
-	Thu từ cá nhân, hộ gia đình	15%		85%
b	Thu tiền thuê mặt nước			
-	Thu từ các tổ chức		85%	15%
-	Thu từ cá nhân, hộ gia đình			100%
21	Các khoản thu chậm nộp			
-	Các khoản thu chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và hạch toán riêng theo các sắc thuế thực hiện điều tiết theo quy định từ mục 1 đến mục 20			
-	Các khoản thu chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu			
+	Cấp trung ương thu	100%		
+	Cấp tỉnh thu		100%	
+	Cấp xã thu			100%